

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý chất lượng và bảo trì
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2804/TTr-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP; P.KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình
xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2017/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung việc phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình, nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Chương II

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 3. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu các loại công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh gồm: Công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ), trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản

lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) và công trình quy định tại Khoản 5 của Điều này.

2. Sở Giao thông vận tải kiểm tra công tác nghiệm thu công trình giao thông xây dựng trên địa bàn hành chính tỉnh trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình quy định tại Khoản 1, Khoản 5 của Điều này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra công tác nghiệm thu công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn xây dựng trên địa bàn hành chính tỉnh trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình quy định tại Khoản 5 của Điều này.

4. Sở Công thương kiểm tra công tác nghiệm thu công trình công nghiệp xây dựng trên địa bàn hành chính tỉnh trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình quy định tại Khoản 1, Khoản 5 của Điều này.

5. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng gồm: Công trình cấp III, IV có tổng mức đầu tư dưới 5 (năm) tỷ đồng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; trường hợp vượt quá khả năng thực hiện thì UBND cấp huyện đề nghị Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định này kiểm tra công tác nghiệm thu.

6. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1, Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 4. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Đối với công trình quy định tại Điều 3 của Quy định này, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải báo cáo thông tin công trình bằng văn bản theo Mẫu số 01, Phụ lục số V, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng gửi về cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Sau khi nhận được báo cáo thông tin của chủ đầu tư về khởi công xây dựng công trình, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quy định này thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình chậm nhất 7 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra.

3. Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến nghiệm thu theo quy định, chủ đầu tư phải gửi văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

4. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quy định này thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 5 Điều này thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này.

5. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quy định này được quyền yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan giải trình, khắc phục tồn tại (nếu có) và thực hiện thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

6. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều này được mời các tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia việc kiểm tra.

7. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 5. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu

Bao gồm kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng trong khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát và quản lý dự án xây dựng công trình theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Điều kiện để đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng gồm:

1. Công trình, hạng mục công trình phải được nghiệm thu công việc xây dựng theo quy định tại Điều 27, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận thi công xây dựng theo quy định tại Điều 30 và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các hồ sơ liên quan về quản lý chất lượng công trình trong công tác khảo sát và thiết kế xây dựng công trình.

2. Công trình, hạng mục công trình phải được Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện theo phân cấp về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại Điều 3 của Quy định này kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư nêu tại Khoản 1 điều này. Riêng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư chỉ được quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này.

Điều 7. Những loại công trình phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng

1. Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.
2. Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.
3. Công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường ngoài các công trình quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của điều này được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Riêng đối với công trình đường dây, trạm biến áp có cấp điện áp từ 35 KV trở xuống, công trình cấp IV sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư tự tổ chức nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo về kết quả nghiệm thu nêu trên cho cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này để tổng hợp, theo dõi.

Chương III

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 8. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng

1. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng:

a) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình theo quy định tại Khoản 1, Điều 38, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP cùng với hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình;

Trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư có thể thuê đơn vị tư vấn khác có đủ điều kiện năng lực để lập quy trình bảo trì và yêu cầu nhà thầu có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn;

b) Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 126 Luật Xây dựng. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình xây dựng do nhà thầu thiết kế lập làm cơ sở cho việc phê duyệt.

2. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình bảo trì riêng.

3. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ, công trình tạm, công trình cấp III trở xuống không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng nhưng chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình vẫn phải thực hiện bảo trì công trình theo các nội dung tại Quy định này.

Điều 9. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng (nội dung gồm tên công việc, thời gian, phương thức, chi phí thực hiện) hằng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình.

2. Kế hoạch bảo trì có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch bảo trì.

3. Việc sửa chữa công trình, thiết bị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, tùy theo mức độ chi phí, thủ tục được thực hiện như sau:

a) Trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 5 (năm) trăm triệu đồng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung sau: Tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế; lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế; khối lượng công việc; dự kiến chi phí, dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành;

b) Trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 5 (năm) trăm triệu đồng trở lên chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình;

4. Đối với công việc sửa chữa công trình không sử dụng vốn từ nguồn ngân sách nhà nước, khuyến khích chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tham khảo, áp dụng các nội dung nêu tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tự tổ chức thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì công trình được phê duyệt nếu đủ điều kiện năng lực hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

2. Trường hợp công trình có nhiều chủ sở hữu thì ngoài việc chịu trách nhiệm bảo trì phần công trình thuộc sở hữu riêng của mình, các chủ sở hữu có trách nhiệm bảo trì cả phần công trình thuộc sở hữu chung theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với các công trình chưa bàn giao được cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng và thực hiện việc bảo trì công trình xây dựng theo các nội dung quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Quy định này. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ bảo trì công trình xây dựng cho Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Việc kiểm tra có thể được thực hiện thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên, bằng các thiết bị kiểm tra chuyên dụng khi cần thiết để đánh giá hiện trạng, phát hiện kịp thời dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ để làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

5. Công tác bảo dưỡng công trình phải được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hằng năm và quy trình bảo trì công trình xây dựng được duyệt.

6. Việc sửa chữa công trình được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất với các nội dung cụ thể sau:

a) Sửa chữa định kỳ công trình bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

b) Sửa chữa đột xuất công trình được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như gió bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi có biểu hiện có thể gây hư hỏng đột biến ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

7. Kết quả kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình phải được ghi chép và lập hồ sơ để quản lý và theo dõi.

Điều 11. Kiểm định chất lượng công trình phục vụ bảo trì công trình

1. Kiểm định định kỳ theo quy trình bảo trì công trình được duyệt.

2. Khi phát hiện thấy chất lượng công trình có những hư hỏng của một số bộ phận công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

3. Khi có yêu cầu đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình phục vụ cho việc lập quy trình bảo trì đối với những công trình đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì.

4. Khi cần có cơ sở để quyết định việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với các công trình hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc cải tạo, nâng cấp công trình.

5. Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Điều 12. Quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì

1. Quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì phải được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Các công trình quan trọng quốc gia, công trình khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa;
- b) Công trình có dấu hiệu lún, nghiêng, nứt và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ công trình;

c) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng.

2. Các vị trí quan trắc; thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (ví dụ: biến dạng nghiêng, lún, nứt, võng); Thời gian quan trắc; Số lượng chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định.

3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình:

a) Nhà thầu quan trắc lập phương án quan trắc phù hợp với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này, trong đó quy định về phương pháp đo, thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các mốc quan trắc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác trình người có trách nhiệm bảo trì công trình phê duyệt;

b) Nhà thầu quan trắc phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc được phê duyệt và báo cáo người có trách nhiệm bảo trì về kết quả quan trắc, các số liệu quan trắc phải được so sánh, đánh giá với giá trị giới hạn do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng có liên quan;

Trường hợp số liệu quan trắc quy định tại Khoản 2 Điều này vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường khác thì người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 13. Chi phí bảo trì công trình xây dựng

1. Kinh phí bảo trì công trình xây dựng được hình thành từ các nguồn sau đây:

- a) Ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) phân bổ hàng năm đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn thu phí sử dụng công trình xây dựng ngoài ngân sách nhà nước;
- c) Nguồn vốn của chủ đầu tư, chủ sở hữu đối với các công trình kinh doanh;
- d) Nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân;
- e) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình xây dựng:

a) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình xây dựng được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

b) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình xây dựng đối với công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì được tính trong chi phí bảo trì công trình xây dựng;

c) Chi phí điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng nằm trong chi phí bảo trì công trình xây dựng. Nhà thầu lập quy trình bảo trì công trình xây dựng có trách nhiệm chi trả chi phí thực hiện điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng trong trường hợp việc phải thực hiện điều chỉnh này do lỗi của mình gây ra.

3. Dự toán bảo trì công trình xây dựng:

a) Dự toán bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là dự toán bảo trì) được xác định theo công việc bảo trì cụ thể và là căn cứ để chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng;

b) Dự toán bảo trì được lập căn cứ trên cơ sở khối lượng các công việc xác định theo kế hoạch bảo trì và đơn giá xây dựng theo quy định của cấp có thẩm quyền phục vụ bảo trì công trình xây dựng để thực hiện khối lượng công việc đó;

c) Định mức xây dựng phục vụ bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng các Sở chuyên ngành tổ chức xây dựng và công bố, các chi phí lập và thẩm định dự toán bảo trì được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 10 Quy định này, chi phí bảo trì công trình xây dựng được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Điều 14. Quản lý, thanh quyết toán chi phí bảo trì công trình xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với công trình xây dựng không sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình chịu trách nhiệm quản lý kinh phí thực hiện bảo trì và thanh toán, quyết toán chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Chương IV

SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 15. Trách nhiệm của các chủ thể khi có sự cố công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố, bằng phương pháp nhanh nhất phải báo cáo tóm tắt về sự cố cho UBND cấp xã nơi xảy ra sự cố và cơ quan cấp trên của mình. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, báo cáo về sự cố bằng văn bản tới UBND cấp huyện và Sở Xây dựng;

b) Đối với tất cả các loại sự cố, nếu có thiệt hại về người thì chủ đầu tư phải gửi báo cáo Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi xảy ra sự cố;

c) Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện báo cáo theo quy định tại Khoản a, Khoản b Điều này.

2. Trách nhiệm của UBND cấp xã: Ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho UBND cấp huyện và cấp tỉnh về sự cố.

3. Trách nhiệm của UBND các cấp: Chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp I;

b) Tổ chức giám định nguyên nhân các sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn có sự tham gia của các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (nếu là công trình xây dựng chuyên ngành) và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan tại địa phương;

- Trong trường hợp cần thiết, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn;

- Cấp sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

c) Đối với sự cố công trình nhà ở của hộ gia đình và cá nhân không có thiệt hại về người: Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì giải quyết; trường hợp cần thiết cơ quan chủ trì giải quyết có thể mời đại diện Sở Xây dựng, các chuyên gia để tư vấn.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

b) Hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

e) Phối hợp với Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng khi có yêu cầu;

f) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng; đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này;

g) Tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn;

h) Tham mưu UBND tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn theo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng.

i) Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng;

2. Giao Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thị xã) tổ chức thực hiện theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 của Quy định này;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Tổng hợp và báo cáo Sở Xây dựng định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

e) Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố công trình theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng, đối với công trình theo phân cấp quản lý tại Khoản 5, Điều 3 Quy định này.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện quản lý chất lượng xây dựng công trình của các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

3. Báo cáo Sở Xây dựng định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu về các sự cố công trình trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng hoặc Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện việc giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình của các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Điều 18. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng được khởi công trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 thì việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Công trình xây dựng khởi công từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 thì việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thực hiện theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, UBND tỉnh và nội dung cụ thể tại Quy định này.

2. Chủ sở hữu, người quản lý và sử dụng công trình nếu không tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Quy định này thì tùy

vào mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

3. Những nội dung liên quan về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác liên quan hiện hành.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung Quy định này, thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm